TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày 24- 4 - 2019
"*V/v tranh chấp hợp đồng góp họ (Hụi)*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp họ (Hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Cẩm L (P), sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 và ông Lê Văn M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Cẩm L trình bày:

Bà L đã tham gia chơi hai chân hụi trong hai dây hụi do bà T và ông M làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi nửa tháng áp ngày 15 tháng 10 âm lịch năm 2016 bà L tham gia chơi 01 chân, trị giá 1.000.000 đồng/01 chân hụi, dây hụi có tổng cộng 35 người tham gia. Trong dây hụi này bà L đóng được số tiền 27.000.000 đồng thì bà T kêu hụi bị bể nên sau đó bà L không hốt được hụi.

Dây hụi 10 ngày áp ngày ngày 10 tháng 4 âm lịch năm 2017 bà L tham gia chơi 01 chân, trị giá 1.000.000 đồng/01 chân hụi, dây hụi có 36 người tham gia. Trong dây hụi này bà L đóng được số tiền 24.000.000 đồng thì bà T và ông M cũng kêu bể hụi nên không hốt được hụi.

Việc chơi hụi không lập sổ sách theo dõi chung.

Tổng số tiền bà L đã đóng hụi cho bà Tm và ông M là 51.000.000 đồng. Sau đó bà T đã trả cho bà L được tổng cộng 3.500.000 đồng nên số tiền hụi hiện bà Tm và ông M còn nợ của bà L là 47.500.000 đồng. Bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông M hoàn trả số tiền đã đóng hụi là 47.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà L đồng ý cho bà T và ông M trả số tiền 46.000.000 đồng

Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có làm chủ các dây hụi và bà L có tham chơi các dây hụi do bà làm chủ như lời trình bày của bà L là đúng. Sau khi bể hụi bà T, ông M và bà L thống nhất số tiền hụi bà T và ông M phải trả lại cho bà L là 51.000.000 đồng nhưng sau đó bà T đã trả được 5.000.000 đồng nên số nợ còn lại là 46.000.000 đồng. Do hiện nay gặp khó khăn nên bà T xin được trả nợ dần mỗi năm 5.000.000 đồng chi đến khi hết nợ.

Bị đơn – Ông Lê Văn M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi về nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Những nội dung các đương sự đã thống nhất: Bà L và bà T thống nhất xác nhận bà T và ông M hiện còn nợ tiền hụi của bà L số tiền 46.000.000 đồng.

Nội dung không thống nhất: Bà T đề nghị trả nợ cho bà L mỗi năm 5.000.000 đồng, bà L không đồng ý cho bà T và ông M trả nợ dần.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Quá trình khởi kiện bà L cung cấp cho Tòa án 01 Giấy cam kết xác lập vào ngày 20/3/2018 có chữ ký của bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn M thể hiện ông M và bà T có nợ của bà L 50.000.000 đồng tiền hụi và hứa trả 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Giấy cam kết có xác nhận Ban lãnh đạo ấp K, xã T. Tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 22/02/2019 bà T xác nhận chứng cứ này là đúng và thừa nhận số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Mặc dù được triệu tập hợp lện nhưng bà T và ông M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ việc chơi hụi, bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông M trả nợ tiền hụi, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp họ (Hụi)".

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà L và bà T đều thống nhất xác nhận: Vào tháng 10 năm 2016 và tháng 4 năm 2017 bà L có tham gia hai dây hụi do bà T và ông M làm chủ hụi, khi các dây hụi chưa mãn thì bà T và ông M tuyên bố hụi bị bể nên bà L không hốt được hụi và số tiền bà L đã đóng hụi đến nay bà T và ông M chưa hoàn trả lại cho bà L. Việc chơi hụi các bên không lập sổ theo dõi, không có

sổ ghi chép chung. Tuy nhiên sau khi bể hụi các bên đã thống nhất được số tiền hụi mà chủ hụi phải trả cho người chơi hụi được thể hiện trong Giấy cam kết lập ngày 20/3/2018, Giấy cam kết xác nhận ông M và bà T thiếu nợ tiền hụi của bà L 50.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 22/02/2019 bà L và bà T cùng xác nhận việc ông M và bà T còn thiếu tiền hụi của bà L tổng cộng là 51.000.000 đồng, sau đó bà T đã trả cho bà L được 5.000.000 đồng và số nợ còn lại được các bên thống nhất là 46.000.000 đồng. Từ đó có cơ sở để xác định bà T và ông M có nợ tiền hụi của bà Lý là sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 15 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về Hụi, họ, biêu, phường cần buộc bà T và ông M phải giao trả cho bà L số tiền hụi còn lại là 46.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T xin được trả dần số tiền nợ hụi mỗi năm 5000.000 đồng nhưng không được bà L đồng ý do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí của vụ án: 46.000.000 đồng x 5% = 2.300.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc các bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bà L số tiền nộp tạm ứng án phí.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 429, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 15, Điều 24, Điều 27 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 06/4/2006 của Chính Phủ;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cẩm L.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Cẩm L số tiền nợ hụi còn lại là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Trần Cẩm L không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.300.000 đồng (Hai triệu, ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Cẩm L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.187.500 đồng (Một triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005839 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/4/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS An Biên;*
- *THADS;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

Đinh Thị Thơm